-

TAND HUYỆN YÊN THẾ **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 31/2017/DS- ST
Ngày 28- 8- 2017.
V/v: Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ - TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Thạo.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Nông Thị Liên;

Bà Nguyễn Thị Cương;

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Kim Oanh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/TLST - DS ngày 26 tháng 4 năm 2017 về "tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2017/QĐXXST - DS ngày 31 tháng 7 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 48/2017/QĐST – DS ngày 24 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Bà Đỗ T Th, sinh năm: 1961(Vắng mặt đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Phố G L, thị trấn B H, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Các đồng bị đơn:

1. Anh Đặng V V, sinh năm 1969 (Có mặt).
2. Chị Nguyễn T T, sinh năm: 1971(Vắng mặt).

Đều cùng địa chỉ: Thôn V S, xã Đ S, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đặng V V, sinh năm:1993 (Có mặt).

2. Chị Nông T T, sinh năm: 1996 (Vắng mặt).

Đều cùng địa chỉ: Thôn V S, xã Đ S, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2017, bản tự khai ngày 26 tháng 4 năm 2017, bản tự khai bổ sung ngày 24 tháng 8 năm 2017, Bà Đỗ T Th trình bày: Ngày 20 tháng 9 năm 2010 bà có cho anh Đặng V V và chị Nguyễn T T vay số tiền gốc là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng); thời hạn vay 02 năm kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2010, lãi suất thỏa thuận 2%/01 tháng, T toán tiền lãi hàng tháng nhưng anh V Chị T chỉ trả bà được 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền lãi; ngày 03 tháng 3 năm 2011 chị T trả 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), ngày 13 tháng 7 năm 2012 anh V trả 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Đến hạn T toán bà đã nhiều lần đòi tiền nhưng anh V chị T không trả tiền dứt điểm theo thỏa thuận. Đến ngày 15 tháng 4 năm 2016 chị T trả 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), ngày 06 tháng 9 năm 2016 chị T gửi chị Ngô T T trả nợ hộ 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Ngày 24 tháng 4 năm 2017 bà T nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Thế giải quyết buộc anh Đặng V V và chị Nguyễn T T phải trả 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) tiền gốc và lãi suất 0,75%/tháng phát sinh tính từ ngày 20 tháng 9 năm 2010. Số tiền 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) anh V, chị T đã trả bà đồng ý trừ cho anh V, chị T vào tiền lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 4 năm 2017, biên bản hòa giải ngày 21 tháng 7 năm 2017, biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 8 năm 2017, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, anh Đặng V V trình bày: Ngày 20 tháng 9 năm 2010 vợ chồng anh có vay của bà Đỗ T Th số tiền gốc 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng), mục đích vay để buôn bán trâu, bò phát triển kinh tế gia đình, hai bên có làm hợp đồng vay tiền ghi ngày 20 tháng 9 năm 2010, lãi suất thỏa thuận 2%/01 tháng, thời hạn vay 02 năm kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2010.Trong thời gian thực hiện hợp đồng, vợ chồng anh có trả bà T được 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng); ngày 03 tháng 3 năm 2011 chị T trả bà T 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), ngày 13 tháng 7 năm 2012 anh V trả bà T 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), ngày 15 tháng 4 năm 2016 chị T trả

500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), ngày 06 tháng 9 năm 2016 chị T gửi chị Ngô T T trả nợ hộ 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Đến hạn T toán, bà T đòi tiền nhưng vợ chồng anh không có tiền để trả cho bà T. Bà T khởi kiện yêu cầu anh và chị T phải liên đới trả cho bà T 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) tiền gốc và lãi suất 0,75 %/01 tháng phát sinh tính từ ngày 20 tháng 9 năm 2010 anh không đồng ý, anh chỉ đồng ý trả cho bà T 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).Số tiền 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) vợ chồng anh đã trả bà T anh không yêu cầu trừ vào tổng số tiền phải T toán.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 4 năm 2017, biên bản hòa giải ngày 21 tháng 7 năm 2017 chị Nguyễn T T trình bày: Chị và anh V có vay bà T 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) như trong hợp đồng vay tiền ngày 20 tháng 9 năm 2010 là đúng. Bà T khởi kiện yêu cầu chị và anh V phải trả cho bà T 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi phát sinh chị không đồng ý, chị chỉ đồng ý trả cho bà T 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 5 năm 2017, chị Nông T T trình bày: Chị kết hôn với anh Đặng V V năm 2016 và hiện tại vợ chồng chị đang chung sống cùng với bố mẹ chồng, việc anh V, chị T vay tiền bà T trước khi chị kết hôn với anh N, chị không có ý kiến đề nghị gì.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 5 năm 2017, anh Đặng V V trình bày: Năm 2007 – 2008 Bố mẹ anh là Đặng V V, Nguyễn T T có vay của bà T 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) lãi suất 2%, khi đó anh còn nhỏ nên không biết, hiện tại anh đã trưởng thành, anh đồng ý hỗ trợ bố mẹ trả nợ.

Tại phiên tòa bà Đỗ T Th vắng mặt đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà T không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện; chị Nguyễn T T, chị Nông T T đã được triệu tập hai lần hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, khoản 1 Điều 281, Điều 290, Điều 291, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc:

Xử: Buộc anh Đặng V V và chị Nguyễn T T phải liên đới trả bà T số tiền gốc 110.000.000 đồng, tiền lãi xuất từ ngày 20 tháng 9 năm 2010 đến 28

tháng 8 năm 2017 là 83 tháng 07 ngày x 0,75%/1 tháng là 68.667.500đồng. Tổng số tiền ông Vĩ, bà T phải trả bà T là 178.667.500 đồng.

- Anh V và chị T phải liên đới chịu 8.933.000 tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà T số tiền 4.370.000 đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế ngày 26 tháng 4 năm 2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Chị Nguyễn T T, chị Nông T T đã được triệu tập hai lần hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, chị T theo quy định tại điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung:

[1] Ngày 20 tháng 9 năm 2010 anh Đặng V V, chị Nguyễn T T có vay của bà Đỗ T Th số tiền gốc 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng), mục đích sử dụng buôn trâu, bò phát triển kinh tế gia đình, thời hạn vay 02 năm kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2010; lãi suất thỏa thuận là 2%/ tháng, anh V chị T đã trả bà T được 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền lãi. Đến hạn T toán ngày 20 tháng 9 năm 2012 anh V, chị T không trả tiền theo thỏa thuận. Ngày 24 tháng 4 năm 2017 bà T nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Thế giải quyết buộc anh Đặng V V, chị Nguyễn T T phải trả 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 20 tháng 9 năm 2010. Phía anh Đặng V V và chị Nguyễn T T cùng thừa nhận còn nợ bà T 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) tiền gốc, và đã trả bà T 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). Anh V Chị T chỉ chấp nhận trả bà T 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền gốc, không chấp nhận trả lãi theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ, bởi vì, bản thân anh V, chị T đều cùng thừa nhận việc vay tiền của bà T và đều cùng thừa nhận nợ bà T 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) tiền gốc. Anh V cũng thừa nhận đã trả bà T 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng), đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, do vậy cần buộc anh V, chị T phải liên đới trả cho bà T 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) tiền gốc. Anh Đặng V V khai anh V, chị T vay bà T 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) là không có căn cứ, nên không thể chấp nhận ý kiến của anh N được.

[2.1] Lãi suất: Theo hợp đồng vay tiền ngày 20 tháng 9 năm 2010, các bên thỏa thuận lãi suất 2%/ tháng, bà T khởi kiện chỉ yêu cầu anh V, chị T chịu lãi suất 0,75%/ tháng tính từ ngày 20 tháng 9 năm 2010 là phù hợp với quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, do vậy chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà

T. Tiền lãi anh V chị T phải chịu được tính như sau: Từ ngày 20 tháng 9 năm 2010 đến ngày 28 tháng 8 năm 2017 là 83 (Tám mươi ba) tháng 07 (Bẩy) ngày. 110.000.000đ x 0,75%/01 tháng = 825.000đ (Tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng)/01 tháng x 83 tháng 07 ngày = 68.667.500đ (Sáu mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi bẩy nghìn năm trăm đồng). Số tiền 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) anh V, chị T đã T toán, anh V không yêu cầu trừ vào nghĩa vụ trả tiền nên không cần trừ cho anh V mà các bên có thể tiếp tục thỏa thuận ở giai đoạn thi hành án.

Về án phí: Anh Đặng V V, chị Nguyễn T T có đơn xin miễn án phí nhưng anh V, chị T không cung cấp được tài liệu chứng minh anh V, chị T thuộc đối tượng được miễn tiền án phí theo quy định tại Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14,Tòa án đã xác minh tại địa phương nơi anh V, chị T cư trú, kết quả xác minh xác định anh V, Chị T không thuộc đối tượng được miễn án phí nên không có căn cứ để miễn tiền án phí cho anh V, chị T mà buộc anh V, chị T phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp được hoàn trả cho bà T.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280; khoản 1 Điều 281; Điều 290; Điều 298; Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14;

Buộc anh Đặng V V và chị Nguyễn T T phải liên đới trả bà Đỗ T Th 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) tiền gốc và 68.667.500đ (Sáu mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi bẩy nghìn năm trăm đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí: Anh Đặng V V và chị Nguyễn T T phải liên đới chịu 8.933.000đ (Tám triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả bà Đỗ T Th 4.370.000đ (Bốn triệu ba trăm bẩy mươi nghìn đồng)tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tạm ứng tại biên lai số AA/2012/02082 ngày 26 tháng 4 năm 2017 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi ở cuối cùng./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thạo